

TÍCH HỢP THUYẾT NỮ QUYỀN VÀO DẠY HỌC ĐẠI HỌC, GIẢI PHÁP THúc ĐẨY BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM

Trần Thanh Hương

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn,

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

Email: huongpalawan@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 12/7/2021; Ngày nhận chỉnh sửa: 17/11/2021; Ngày duyệt đăng: 09/12/2021

Tóm tắt

Thực hiện bình đẳng giới là mục tiêu toàn cầu và là một trong những chiến lược phát triển của các quốc gia. Việt Nam luôn nỗ lực thực hiện quyền bình đẳng cho phụ nữ và đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tuy nhiên vẫn còn tồn tại khoảng cách giữa nam và nữ trong nhiều lĩnh vực và cần được giải quyết. Bằng cách sử dụng nguồn dữ liệu thứ cấp bài viết phân tích thực trạng bất bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, giáo dục, cơ hội việc làm... và chỉ ra vai trò của giáo dục đại học trong việc tích hợp các nội dung của thuyết nữ quyền để phát triển phẩm chất của người học, hình thành năng lực xã hội để tham gia giải quyết các vấn đề về giới, góp phần phát triển quốc gia thịnh vượng và bền vững.

Từ khóa: *Bình đẳng giới, dạy học đại học, thuyết nữ quyền.*

INTEGRATING THE FEMINIST THEORY INTO TEACHING AT HIGHER EDUCATION, SOLUTION TO ADDRESS GENDER EQUALITY IN VIETNAM

Tran Thanh Huong

University of Social Sciences and Humanities,

Vietnam National University, Ho Chi Minh City

Email: huongpalawan@gmail.com

Article history

Received: 12/7/2021; Received in revised form: 17/11/2021; Accepted: 09/12/2021

Abstract

Gender equality is one of global goals and national strategies. Vietnam has put its effort into making gender equality to women and has achieved positive results; however, it still remains a gap between men and women in many aspects calling for considerations. From secondary data, this paper analyzes gender inequality in specific aspects in politics, economy, education, work opportunities, etc. and points out the role of higher education in integrating the feminist theory into teaching in order to develop learner's social attribute and capacity towards gender inequality which contributes to national development prosperously and sustainably.

Keywords: *Gender equality, higher education, feminist theory.*

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.11.4.2022.971>

Trích dẫn: Trần Thanh Hương. (2022). Tích hợp thuyết nữ quyền vào dạy học đại học, giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 11(4), 98-104.

1. Đặt vấn đề

Xây dựng xã hội công bằng và bình đẳng luôn là một trong những mục tiêu chiến lược hàng đầu của các quốc gia để phát triển thịnh vượng và bền vững. Bình đẳng, trong đó có bình đẳng giới đang được các quốc gia nỗ lực thực hiện để biện hộ, bảo vệ tự do và giải phóng phụ nữ khỏi những bất công, tăng quyền và cơ hội tiếp cận nguồn lực để họ phát triển và làm chủ cuộc sống. Tuy nhiên, dưới ảnh hưởng của các yếu tố văn hóa, kinh tế, chính trị (Wendy, 2001, tr. 191; UN, 2014, tr. 13; Feltham và Taylor, 2020, tr. 8) quá trình đấu tranh để cải thiện địa vị của phụ nữ và tiến tới bình đẳng giới đang còn nhiều trở ngại.

Thực trạng bất bình đẳng giới thể hiện ở nhiều khía cạnh, cụ thể trong lĩnh vực chính trị số lượng nữ tham gia nắm giữ những vị trí nòng cốt luôn ít hơn nam (Oguadimma và cs., 2021, tr. 71), khoảng cách giới trong việc tiếp cận cơ hội giáo dục (UWOMEN Vietnam, 2016, tr. 24; OECD, 2012, tr. 4), đặc biệt là tiếp cận và tham gia vào giáo dục quốc tế (Myers và Griffin, 2019, tr. 429) thể hiện ở nhiều bậc học, số lượng nữ nắm giữ vị trí nòng cốt ở các lĩnh vực việc làm có tính học thuật (Winchester và Browning, 2015, tr. 269) luôn rất khiêm tốn, đây là một trong những rào cản khiến phụ nữ khó đáp ứng yêu cầu để tham gia vào các hoạt động chính trị. Bên cạnh đó, bất bình đẳng giới còn thể hiện rõ nét qua sự phân hóa sâu sắc giữa nam và nữ ở thị trường lao động mặc dù nhà nước đã có nhiều nỗ lực để thu hẹp khoảng cách, tình trạng phân hóa nghề nghiệp giữa nam và nữ vẫn chưa được cải thiện, tỉ lệ nữ tham gia ở các vị trí quản lý (OECD, 2012, tr. 96) luôn thấp hơn nam. OECD (2012, tr. 5-8) chỉ ra cho thấy tỉ lệ nam làm chủ doanh nghiệp luôn nhiều hơn nữ trong khi nữ phải đảm nhận các công việc không lương nhiều hơn nam. Sự khác biệt này còn thể hiện ở cả tình trạng lao động, nếu chỉ 16% nam làm việc không có hợp đồng lao động thì tỉ lệ này ở nữ là 24,4% (Nguyễn Trần Lâm, 2015). Thực trạng này thách thức lãnh đạo và quản lý các cấp trong việc bảo vệ quyền lợi về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội để thực hiện bình đẳng cho phụ nữ.

Bình đẳng giới được Liên Hiệp Quốc xác định là một trong những mục tiêu toàn cầu và Việt Nam đã tích cực tham gia vào các văn kiện pháp lý quốc tế về quyền con người và bình đẳng giới. Một trong những điển hình là tham gia Công ước về xóa bỏ tất cả các

hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) từ 19/3/1982. Sau thời kỳ đổi mới, nhà nước đã thực hiện nhiều cải cách để xây dựng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa dựa trên nền tảng dân chủ, công bằng và bình đẳng. Hàng loạt những chính sách được ban hành để đấu tranh cho quyền bình đẳng của phụ nữ như: Hiến pháp năm 1980, Nghị quyết 04/NQ-TW ngày 12/7/1993, Luật Bình đẳng giới năm 2006 và Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006, Luật Hôn nhân gia đình và Luật Lao động sửa đổi năm 2013, Bộ luật Hình sự và Hiến pháp năm 2013 trong đó khoản 1 và 3 điều 26 quy định “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới... và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”.

Dựa trên các văn bản pháp luật và định hướng phát triển của quốc gia, nhiều chương trình và dự án được triển khai để thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng, vẫn còn khoảng cách giới trong giáo dục, thu nhập, vị trí việc làm ở thị trường lao động, cơ hội và số lượng nữ giữ vị trí quản lý (OECD, 2012, tr. 102; Nguyễn Trần Lâm, 2015; UWOMEN Vietnam, 2016, tr. 26; Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, 2017, tr. 7) và số lượng nữ giới tham gia các cấp ủy Đảng, đại biểu Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp giai đoạn 2011 - 2020 đều chưa đạt theo chỉ tiêu. (Báo cáo tóm tắt việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ, 2017).

Loại bỏ bất bình đẳng về giới không chỉ cần đến chính sách và sự nỗ lực của nhà nước mà còn cần sự phối hợp giữa các bên liên quan, đặc biệt là sự tham gia của giáo dục đại học trong việc đào tạo từng cá nhân người học có đầy đủ năng lực thực hiện các trách nhiệm xã hội, tham gia phục vụ cộng đồng, đặc biệt trong việc đưa ra các hành động bảo vệ quyền của phụ nữ, thúc đẩy bình đẳng giới để phát triển xã hội công bằng, văn minh.

2. Nội dung

Thuật ngữ nữ quyền xuất hiện những năm đầu thế kỷ XIX và sau đó được đưa vào sử dụng phổ biến ở các quốc gia. Thuyết nữ quyền tập trung tìm hiểu vai trò của phụ nữ và phân tích sự bất bình đẳng giới trên các phương diện của xã hội. Nội dung của thuyết làm sáng tỏ các vấn đề xã hội, xu hướng và định kiến về giới từ đó đấu tranh để bảo vệ và giành quyền cho phụ nữ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa,

giáo dục nhằm thực hiện tự do và bình đẳng cho mọi người. Từ những nội dung chính nêu trên, mục đích thuyết nữ quyền làm gia tăng sự hiểu biết một cách sâu sắc về ý nghĩa của bình đẳng giới (Feltham, 2020, tr. 18) từ đó vận động mọi thành phần trong xã hội ủng hộ, bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ, đảm bảo mọi người đều được đối xử công bằng và bình đẳng.

Giáo dục là phương tiện để làm tăng năng lực cá nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế, đây còn được xem là yếu tố tác động trực tiếp đến vị trí xã hội, thu nhập của cá nhân (Montenegro và Patrinos, 2014, tr. 2; Darvas và cs., 2017, tr. 3; Oxfam, 2018, tr. 39) và là động lực để thúc đẩy sự biến đổi của xã hội, đây còn là công cụ để thực hiện bình đẳng giới, tạo dựng thế giới hòa bình, thịnh vượng, lành mạnh và bền vững (GPE, 2021, tr. 2). Với những vai trò này, giáo dục có nhiệm vụ đào tạo các cá nhân có đầy đủ năng lực và phẩm chất để tham gia vào các quá trình xây dựng và phát triển xã hội, chuyển giao các sản phẩm và nguồn nhân lực có khả năng đóng góp để đưa đến những chuyển biến tích cực cho xã hội, đặc biệt tham gia giải quyết những vấn đề nảy sinh trong xã hội kể cả vấn đề về bình đẳng giới.

Ở một số nước, vấn đề giới đã được đưa vào giảng dạy ngay từ rất sớm ở bậc tiểu học (Mount-Cors và cs., 2020, tr. 23) và trung học phổ thông (Brundrett và Mai Thi Thụy Dung, 2018, tr. 9) với mục tiêu thực hiện xóa bỏ các hình thức bất bình đẳng giới trong xã hội. Hanna và Kristiian (2018, tr. 917); Koseoglu và cs., 2020, tr. 8) đã chứng minh rằng triển khai các nội dung dạy học về giới ở trường học thông qua việc tích hợp chúng vào chương trình đào tạo và sử dụng các phương pháp sư phạm phù hợp sẽ giúp giải quyết các vấn đề bất bình đẳng về giới, điều mà suốt nhiều thập kỷ qua chưa được giải quyết thỏa đáng.

Ở Việt Nam, với mục tiêu "... xây dựng xã hội học tập nhằm tạo cơ hội để mọi người được tiếp cận giáo dục" (Luật Giáo dục, 2019) và "tạo cơ hội bình đẳng về quyền... đặt nền tảng cho một xã hội nhân văn, phát triển bền vững và phồn vinh" (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018), nhà nước đã ban hành các chính sách và đầu tư nhiều nguồn lực để đảm bảo mọi thành phần trong xã hội có thể tiếp cận với giáo dục một cách bình đẳng, từng cá nhân có điều kiện phát triển tri thức, phẩm chất hình thành nhân cách của người lao động hiện đại và con người xã hội. Chính vì thế, ngoài tri thức khoa học những bài

học đề cao giá trị cá nhân, giá trị cộng đồng, tính nhân bản điển hình như vấn đề về giới đã được đưa vào giảng dạy trong một số môn học và được tích hợp vào một số hoạt động ngoài giờ lên lớp ở bậc phổ thông. Nội dung này cũng được đưa vào giảng dạy chính khóa trong một số ngành ở bậc đại học như Nhân học, Xã hội học, Triết học, Kinh tế, Luật, Văn học.... Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa đáp ứng sự kỳ vọng (Brundrett và Mai Thi Thụy Dung, 2018, tr. 23) của xã hội.

"Giáo dục là vũ khí mạnh nhất mà người ta có thể sử dụng để thay đổi thế giới" (Mandela), giáo dục tạo nên sự biến đổi (Oxfam, 2019, tr. 5). Mặc dù nhà nước đã có nhiều chính sách và hành động thiết thực để thực hiện bình đẳng trên mọi phương diện của xã hội, tuy nhiên các hình thức bất bình đẳng giới vẫn còn hiện hữu ở nhiều khía cạnh. Giáo dục đại học với mục tiêu đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội..." (Luật Giáo dục đại học, 2012). Bất bình đẳng là yếu tố cản trở sự phát triển (Oxfam, 2019, tr. 10), với mục tiêu giáo dục đề ra và thực trạng bình đẳng giới ở Việt Nam, hình thành ý thức hệ về giới và thúc đẩy bình đẳng giới không phải là trách nhiệm của riêng các nhà làm chính sách hoặc các nhà hoạt động xã hội mà cần sự tham gia của giáo dục, đặc biệt giáo dục đại học trong việc đào tạo nguồn lực có năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế và năng lực xã hội để tham gia giải quyết các vấn đề của cộng đồng, phục vụ quá trình phát triển xã hội một cách toàn diện và bền vững.

Trong nhiều thập kỷ qua, giáo dục luôn thể hiện sứ mệnh và vai trò trong việc đấu tranh làm thay đổi các hình thức bất bình đẳng để tăng quyền cho phụ nữ, cải thiện vị trí của họ trong xã hội, góp phần phát triển kinh tế xã hội một cách công bằng, văn minh (Oxfam, 2018, tr. 39; Oxfam, 2019, tr. 9). Chính vì vậy tích hợp các nội dung của thuyết nữ quyền vào quá trình dạy học ở bậc đại học là nền tảng để từng cá nhân phát triển chuyên môn và tiếp cận vấn đề bình đẳng một cách toàn diện bằng cách nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi và thái độ (Demaidi và Al-Sahili, 2021, tr. 17) dần hình thành năng lực xã hội để đưa ra tác động tạo nên sự thay đổi tích cực đối với các vấn đề bất bình đẳng.

Dạy học đại học cũng là quá trình và được cấu thành bởi các thành tố có mối quan hệ biện chứng với nhau, người học khó có thể hình thành được năng lực giải quyết các vấn đề bình đẳng nếu nội dung này không được cấu trúc vào chương trình đào tạo, do vậy các nội dung của thuyết nữ quyền cần được tích hợp một cách có hệ thống vào các thành tố của quá trình dạy học để đảm bảo mọi cá nhân có thể phát triển chuyên môn và được trang bị những hiểu biết cần thiết, hình thành năng lực xã hội để hành động góp phần thu hẹp khoảng cách về giới ở mọi phương diện.

2.1. Tích hợp vào mục tiêu dạy học

Mục tiêu là thành tố định hướng cho hoạt động dạy học và quá trình phát triển của người học. Mục tiêu phản ánh cụ thể nhất những yêu cầu của xã hội đối với hoạt động dạy học. Ở bậc đại học, sinh viên được kỳ vọng có khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng chuyên môn để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn phục vụ cho sự phát triển chung. Trong bối cảnh hiện nay nhiều người học không có hứng thú với những vấn đề xã hội (Demaidi và Al-Sahili, 2021, tr. 17) đặc biệt đối với các vấn đề về giới, xây dựng xã hội bình đẳng cần đến sự hợp tác và tán thành của từng cá nhân, cá nhân chỉ có thể tham gia khi họ có nhận thức đầy đủ. Oxfam (2019, tr. 6) cho rằng giáo dục phải trở thành công cụ đấu tranh cho các hình thức bất bình đẳng. Chính vì thế, để giáo dục sinh viên trở thành nhân tố tạo nên sự thay đổi, các nội dung cốt lõi về giới và bình đẳng giới cần trở thành một trong những nhiệm vụ dạy học. Đây là nền tảng để thay đổi quan niệm của người học về giới cũng như thúc đẩy các hành động can thiệp của từng cá nhân vào các vấn đề bất bình đẳng trong lĩnh vực chuyên môn và môi trường làm việc.

Từ những lý do trên, các cơ sở giáo dục đại học cần xác định sứ mệnh đào tạo để cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng và chuyển giao sản phẩm phục vụ cộng đồng. Do vậy, ngoài những vấn đề chuyên môn, năng lực xã hội với nhận thức về giới và hành động thực hiện bình đẳng giới cần trở thành mục tiêu của các cơ sở giáo dục. Với nhiệm vụ này, vấn đề bình đẳng giới cần được linh hoạt tích hợp vào quá trình xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo, trở thành một trong những chuẩn đầu ra của đào tạo. Đây là nền tảng để lan tỏa giá trị bình đẳng, thúc đẩy hành động của người học trong việc đấu tranh với các hình

thức bất bình đẳng về giới tạo nên những thay đổi quan trọng cho tổ chức và xã hội.

2.2. Nội dung dạy học

Chủ đề về giới và bình đẳng giới đã được lồng ghép vào một số môn học ở bậc phổ thông với các mức độ khác nhau, tuy nhiên với sự khác biệt về đặc điểm tâm sinh lý và nhận thức, sinh viên bậc đại học được kỳ vọng phải sáng tạo, có năng lực thích ứng và sử dụng chuyên môn để giải quyết vấn đề, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Như vậy ngoài những kiến thức khoa học cơ sở, chuyên ngành và tri thức hiện đại, sinh viên cần được trang bị những tri thức cơ bản liên quan đến quyền con người, bình đẳng, vấn đề giới... để định hướng cho quá trình nhận thức và phát triển (Demaidi và Al-Sahili, 2021, tr. 59), hình thành năng lực xã hội của người học để từng cá nhân trở thành con người cá nhân và con người xã hội. Quá trình tích hợp các nội dung này vào đào tạo chuyên môn sẽ giúp sinh viên đồng thời vừa phát triển năng lực chuyên môn vừa nâng cao khả năng sáng tạo để sử dụng chuyên môn giải quyết vấn đề trong thực tiễn, tạo ra sự thay đổi tiến bộ và văn minh cho tổ chức và cộng đồng.

Tích hợp các nội dung của thuyết nữ quyền không đồng nghĩa với việc thiết kế các học phần riêng lẻ, tùy vào ngành nghề đào tạo và yêu cầu chuyên môn, chủ đề này có thể tổ chức thành học phần riêng lẻ hoặc tích hợp vào nội dung môn học theo các mức độ và khía cạnh khác nhau để đảm bảo tính khả thi, cân đối giữa nguồn lực được phân bổ và tính chuyên môn của ngành học.

Ví dụ: Khi dạy về kinh tế vĩ mô giảng viên có thể sử dụng các dữ liệu liên quan việc phân bổ nguồn lực và sự khác biệt giữa các đối tượng trong việc tiếp cận, sử dụng các nguồn lực khan hiếm, cụ thể như cơ hội tiếp cận nguồn lực giữa nam và nữ. Đây là một trong những cách thức triển khai bài học để kích thích tư duy, định hướng các em sử dụng kiến thức chuyên môn (kinh tế học) để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn (bất bình đẳng trong thu nhập bình quân giữa nam và nữ, tỉ lệ thất nghiệp...).

2.3. Phương pháp và phương tiện dạy học

Đa dạng trong các phương pháp và hình thức dạy học quyết định đến hiệu quả dạy học để người học hình thành năng lực tham gia giải quyết các vấn đề về giới. Những hình thức giáo dục trực tiếp, trực tuyến, kết hợp cả hai hoặc thiết kế những hoạt động trải

nghiệm thực tế, các hoạt động phục vụ cộng đồng... sẽ làm thay đổi thế giới quan của người học đối với các vấn đề chuyên môn và xã hội. Các nghiên cứu trước đây đã chứng minh cho thấy không có phương pháp hoặc hình thức dạy học nào là hoàn hảo để phát triển năng lực của người học, do vậy ngoài các hoạt động dạy học phát triển khả năng tư duy và kỹ năng của người học về chuyên môn, giảng viên cần linh hoạt sử dụng các phương pháp giảng dạy như nghiên cứu trường hợp điển hình, các bài tập tình huống, dự án, học tập cùng cộng đồng, các hoạt động ngoại khóa, giải quyết vấn đề... để tác động đến nhận thức và hành vi của người học đối với các vấn đề đang tồn tại liên quan về giới. Giảng viên cần sử dụng phong phú các nguồn học liệu và trang thiết bị dạy học để sinh viên có thể tiếp cận với các vấn đề trong thực tiễn một cách đa chiều, đa phương diện. Đây là nền tảng để từng cá nhân thay đổi quan niệm, tự giác, chủ động trong việc tìm kiếm tri thức và hình thành ý thức hệ về giới, phát triển khả năng giải quyết đối với các hình thức kỳ thị hoặc định kiến giới.

Quá trình tích hợp nội dung của thuyết nữ quyền vào phương pháp dạy học đòi hỏi kiến thức và nghệ thuật của từng giảng viên. Mỗi giảng viên ngoài những năng lực chuyên môn cần có hiểu biết sâu sắc về giới và bình đẳng giới, từ đó nhạy bén nhận ra những vấn đề tồn tại có tính ưu tiên theo phương diện tiếp cận của chuyên ngành để giáo dục người học, khéo léo lồng ghép chúng vào các nội dung chuyên môn để kích hoạt trách nhiệm xã hội của mỗi cá nhân người học để xây dựng môi trường sống và làm việc bình đẳng.

2.4. Môi trường học tập

Để tích hợp nội dung bình đẳng giới hiệu quả giảng viên cần xây dựng văn hóa lớp học đề cao sự tôn trọng, những nhận thức hoặc hành vi liên quan phân biệt đối xử hoặc định kiến về giới cần được làm rõ để người học thấu đáo trong nhận định và lựa chọn giải pháp ở từng tình huống có vấn đề cụ thể. Đây sẽ là điều kiện để từng cá nhân giải phóng bản thân khỏi những định kiến về giới, thay đổi cách nghĩ và hành động trong tương quan với người khác.

Hình thành môi trường học tập đề cao bình đẳng giới rất cần đến năng lực sư phạm và năng lực xã hội của giảng viên. Kreitz-Sandberg và Lahelma (2021, tr. 53) đã lưu ý rằng rất nhiều giáo viên ở các quốc gia thiếu chiến lược bền vững khi thiết lập môi

trường để người học tiếp cận với các vấn đề bình đẳng giới. Giảng viên là nhân tố tạo nên thay đổi ở người học, họ phải nhận thức được vai trò trong việc phát triển tài và đức của từng cá nhân, lựa chọn chiến lược tiếp cận phù hợp với đặc điểm và bối cảnh để tối đa hóa khả năng nhận thức và hành động của sinh viên đối với các vấn đề về giới. Giảng viên cần có hiểu biết đầy đủ về giới, đây là yếu tố quyết định đến sự tinh tế và khả năng lựa chọn tình huống, cách ứng xử sư phạm phù hợp trong các hoạt động sư phạm. Nếu giảng viên nhận thức chưa đầy đủ họ dễ dàng bị điều khiển bởi quan niệm và suy nghĩ phiến diện về nữ quyền, đây là rào cản cản trở sự lan tỏa thông điệp bình đẳng tới người học và khó có thể truyền cảm hứng để sinh viên đưa ra những hành động can thiệp hiệu quả đối với các hình thức bất bình đẳng giới.

Hiện nay trong bối cảnh toàn cầu hóa với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, giảng viên và kể cả sinh viên dễ dàng tiếp cận với tri thức khoa học hiện đại và có nhiều cơ hội để tham gia vào các hoạt động chuyên môn và hoạt động xã hội. Giải quyết những vấn đề xã hội là trách nhiệm của mọi thành phần, do vậy sinh viên cần được tạo môi trường trong đó các em được khuyến khích để chủ động tham gia vào các hoạt động học tập trong và ngoài lớp học nhằm nâng cao nhận thức đối với bình đẳng và bình đẳng giới, có điều kiện được trải nghiệm và có cơ hội tham gia vào các hoạt động xã hội để làm tăng quyền cho bản thân, cho mọi người.

2.5. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Đây là tổng hợp kết quả phát triển của người học trong suốt quá trình dạy học. Những hình thức, tiêu chuẩn, tiêu chí để kiểm tra và đánh giá quá trình dạy học không chỉ ở những nội dung học thuật mà cần quan sát và đo lường mức độ phát triển của người học về năng lực xã hội và phẩm chất. Do vậy, ngoài khả năng vận dụng những kiến thức, kỹ năng chuyên môn, thiết kế hình thức, nội dung kiểm tra - đánh giá hoạt động dạy học và môn học cần phải mô tả những tiêu chuẩn, tiêu chí trong đó có thể đo lường được mức độ nhận thức phát triển của sinh viên đối với vấn đề giới và bình đẳng giới.

Làm thay đổi quan niệm về giới và thúc đẩy các hành động can thiệp của từng cá nhân để thực hiện bình đẳng là quá trình cần đến sự phối hợp của giảng viên, các đơn vị trong tổ chức và lãnh đạo các cơ sở

giáo dục (Kreitz-Sandberg và Lahelma, 2021, tr. 63). Thay đổi ý thức hệ về giới, tiến tới bình đẳng cần có biện pháp tác động mang tính hệ thống, toàn diện và phải trở thành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đây là nền tảng để đảm bảo sự tương thích giữa mục tiêu và nội dung dạy học để hình thành năng lực xã hội của sinh viên, giúp các em sẵn sàng trở thành những “đại sứ” đưa ra các hành động thúc đẩy bình đẳng giới đặc biệt khi các em tham gia vào thị trường lao động và môi trường xã hội.

3. Kết luận

Tìm kiếm các biện pháp để thực hiện bình đẳng giới là mục tiêu toàn cầu về phát triển bền vững. Việt Nam luôn thể hiện sự cam kết bằng những nỗ lực để thu hẹp khoảng cách giới trên mọi phương diện, những chương trình dự án trong lĩnh vực giáo dục đã đem lại những kết quả nhất định trong việc xóa bỏ các hình thức bất bình đẳng, tạo cơ hội bình đẳng cho mọi cá nhân trong giáo dục. Tuy nhiên, những hình thức bất bình đẳng về giới vẫn còn tồn tại đòi hỏi giáo dục cần thay đổi vai trò từ thực hiện bình đẳng giới qua giáo dục để mỗi người học trở thành nhân tố để biện hộ, bảo vệ quyền lợi của phụ nữ và trẻ em gái, có trách nhiệm thực hiện và đấu tranh để hướng đến xây dựng xã hội bình đẳng.

Thực hiện bình đẳng giới là công việc không đơn giản (Kreitz-Sandberg và Lahelma, 2021, tr. 50) và không phải là nhiệm vụ riêng của những nhà thực hiện chính sách hay của các lãnh đạo và quản lý cấp cao mà đòi hỏi sự phối hợp của các bên quan, trong đó có giáo dục. Các nội dung về giới và bình đẳng giới đã được đem vào giảng dạy trong các cơ sở giáo dục nhưng rất ít chương trình tiếp cận vấn đề này một cách có hệ thống (Kreitz-Sandberg và Lahelma, 2021, tr. 60). Chính vì thế, để từng cá nhân người học hình thành năng lực tham gia nhằm đem lại những thay đổi tích cực đối với bình đẳng giới, nội dung của thuyết nữ quyền cần được tích hợp vào các thành tố của quá trình dạy học đại học, cụ thể là mục tiêu, nội dung, phương pháp phương tiện dạy học, môi trường học tập và kiểm tra. Thông qua cách tiếp cận và quá trình giáo dục này, người học sẽ nâng cao nhận thức đối với vấn đề giới, dần được tác động để thay đổi hành vi, tạo sự đồng thuận của các cá nhân trong việc giải quyết các hình thức bất bình đẳng, thu hẹp các khoảng cách về giới và thực hiện bình đẳng trong xã hội. /.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*. Hà Nội
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. (2017). Báo cáo việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới năm 2016. *Cổng thông tin điện tử Chính phủ*. Truy xuất từ <https://www.moha.gov.vn/congtaccanbonu/baocao/bao-cao-so-79-bc-cp-ngay-10-3-2017-cua-chinh-phu-viec-thuc-hien-muc-tieu-quoc-gia-ve-binh-dang-gioi-nam-2016-38269.html>.
- Brundrett, M., and Mai Thi Thuy Dung (2018). The Challenge of ensuring gender equality in Việt Nam and English high schools: Espoused and real commitments. *International Journal of Comparative Education and Development*. 20:1-30.
- Chính phủ. (17/10/2017). Báo cáo tóm tắt việc thực hiện mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới của Chính phủ. Truy xuất từ <http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban/baocaochinhphu/chitietbaocao?categoryId=100003930&articleId=10060772>.
- Darvas, P. S., G., Shen, Y., and Bawany, B. (2017). *Sharing Higher Education's Promise beyond the Few in Sub-Saharan Africa*. Direction in Development, World Bank.
- Demaidi, M. N. and Al-Sahili, K. (2021). Integrating SDGs in Higher Education - Case of Climate Change Awareness and Gender Equality in a Developing Country According to RMEI-TARGET Strategy. *Sustainability* 13, 3-101. <https://doi.org/10.3390/su13063101>.
- Feltham, T. (2020). Foundations for Feminist Legal Theory. *Working Paper No. 46*, Portland State University Economics Working Papers. 46i + 19.
- GPE. (2021). *How GPE drives Gender Equality*. Global partnership for education. Transforming Education.
- Hanna, Y., and Kristiina, B. (2018). Exploring the Possibilities of Gender Equality Pedagogy in an Era of Marketization. *Journal of Gender and Education*, 30: 917-933.
- Kreitz-Sandberg, S. and Lahelma, E (2021). Global Demands - Local Practices: Working towards Including Gender Equality in Teacher Education

- in Finland and Sweden. *Nordic Journal of Comparative and International Education*, Vol. 5(1), 50-68.
- Luật Giáo dục. (2019). Truy xuất từ <https://luatvietnam.vn/giao-duc/luat-giao-duc-2019-175003-d1.html>.
- Montenegro, C. E. and Patrinos, H. A. (2014). *Comparable Estimates of Returns to Schooling around the World*. Policy Research Working Paper 7020, World Bank, Washington, DC.
- Mount-Cors, M., Gay, J., and Diop, R. (2020). Towards a Radical Transformation: Promoting Gender Equality When Children Start School. *Current Issues in Comparative Education*, 22: 23-38.
- Myers, R. M. and Griffin, A. L. (2019). The Geography of Gender Inequality in International Higher Education. *Journal of Studies in International Education*, 23: 429-450.
- Nguyễn Trần Lâm. (2015). Biến thái của Bất bình đẳng cơ hội: Nghiên cứu trường hợp ở Việt Nam. Bài trình bày tại Phiên hội nghị “Bình đẳng ở Đông Nam Á”, Hội nghị Eurosea, Vienna, tháng 8/2015.
- OECD. (2012). *Gender Equality in Education, Employment and Entrepreneurship. Final Report*. OECD Publishing/United Nations. 2014. *From Domestic Violence to Gender-Based Violence: Connecting the dots in Vietnam*. United Nation Vietnam.
- Oguadimma, I. J., Nwakalor, E. O., and Ejinkeonye, J. B. A. (2021). Factors That Militate Against Women Participation in Politics in Enugu State. *Open Political Science*, 4: 68-73.
- Oxfam. (2018). *Dịch chuyển xã hội và bình đẳng cơ hội tại Việt nam: Xu hướng và các yếu tố tác động*. NXB Hồng Đức.
- Oxfam. (2019). *The Power of Education to Fight Inequality*. Oxfam GB for Oxfam International.
- UNWOMEN Vietnam. (2016). *Towards Gender Equality in Vietnam: Making Inclusive Growth Work for Women*. United Nations Entity for Gender Equality and the Empowerment of Women (UN Women).
- Wendy, N. D. (2001). Gender Equality and Women's Issues in Vietnam: The Vietnamese Woman - Warrior and Poet. *Pacific Rim Law & Policy Journal Association*. 191: 191-326.
- Winchester, H. P. M. and Browning, L. (2015). Gender Equality in Academia: A Critical Reflection. *Journal of Higher Education Policy and Management*, 37: 269-281.